

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 345/2024/HC-PT

Ngày: 18-9-2024

V/v: “ Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Văn Hợp** và ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên toà: bà **Đặng Ngọc Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 204/2024/TLPT-HC ngày 22/7/2024 về việc “ Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2024/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1729/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà **Trần Thị T**; địa chỉ: **A D, tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà **Trần Thị S**; địa chỉ: **C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Lê Đại T1** - Chức vụ: Phó chủ tịch **UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố B:

1. Ông **Trương Văn C** - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông **Võ Quang H** - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Nguyễn Thị Y**;
2. Chị **Trần Nguyễn Kiều O**;
3. Chị **Trần Thị Kiều L**;

Cùng địa chỉ: **Số A D, tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.
Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người bị kiện **Ủy ban nhân dân thành phố B** và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà **Trần Thị S trình bày:**

Năm 2012, hộ gia đình bà **Trần Thị T** có ký hợp đồng giao khoán số 59/Đ3/2012/HD với **Công ty TNHH MTV C1**, diện tích đất 3.024m² thuộc thửa đất số 33A, tờ bản đồ số 65, thời hạn giao khoán từ ngày 05/4/2012 đến ngày 31/12/2020.

Ngày 21/4/2020, **Ủy ban nhân dân thành phố B** ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **phường T, thành phố B** (giáp đường Vành đai phía Tây và **Đại học B** 5,4 ha). Ngày 09/7/2020, **UBND thành phố B** tiếp tục ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **phường T, thành phố B** (giáp đường Vành đai phía Tây và **Đại học B** 5,4ha). Theo nội dung của hai quyết định nói trên thì hộ gia đình bà **Trần Thị T** chỉ được bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật kiến trúc, 10% tiền đầu tư vào đất.

Không đồng ý với hai quyết định nêu trên, bà **T** đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tại Bản án số 08/2023/HC-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị T**. Hủy một phần quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của **UBND thành phố B**. Buộc **UBND thành phố B** ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ gia đình bà **Trần Thị T** theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2023, **Ủy ban nhân dân thành phố B** ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **phường T**

(giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B khu 5,4ha) thành phố B (Thực hiện bản án số 08/2023/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk).

1. Đối với việc áp dụng văn bản quy định để tính mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình bà Trần Thị T thì UBND thành phố B không áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ về mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà T, bởi vì 03 Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Quyết định số 4801/2020/QĐ-UBND ngày 09/7/2020; về việc phê duyệt phương án bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B 5,4ha). Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ; về việc thu hồi đất của Công ty C1, trong đó có diện tích mà hộ gia đình bà Trần Thị T đang sử dụng, 03 quyết định nói trên của UBND các cấp được ban hành trước ngày có Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Việc UBND thành phố B áp dụng quy định hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình bà T theo khoản 1 Điều 18 nhưng cách tính thì áp dụng theo khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 13/3/2022 của UBND tỉnh Đ là trái với quy định tại Điều 22: Điều khoản chuyển tiếp: “Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định trước ngày quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt, không áp dụng theo quy định của quyết định này”.

Tại thời điểm ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B, mặc dù đây là quyết định bổ sung cho Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 do UBND thành phố B ban hành; Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 không hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình bà T là không thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành nên khi ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với nội dung hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì UBND thành phố B phải áp dụng để hỗ trợ cho hộ gia đình bà T áp dụng đối với bảng giá theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ; về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất, quy định các loại đất; quy định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại các quyết định của UBND tỉnh thì mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành.

2. Căn cứ các quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi

đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T3 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Đối với nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, pháp luật quy định: Mức hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định, việc UBND thành phố áp dụng cho hộ bà T theo khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là trái với các quy định nêu trên, bởi vì thẩm quyền của UBND tỉnh không được quy định đối tượng được hỗ trợ mất việc làm, mà chỉ được quy định số tiền được hỗ trợ mà thôi.

Tại thời điểm ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND là ngày 03/10/2023, nhưng UBND thành phố B đã áp dụng Bảng giá đất quy định tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ để tính hỗ trợ cho hộ gia đình bà T là 67.500đ/m² là trái quy định. Bởi vì văn bản này đã hết hiệu lực và đã được thay thế bởi Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024 là không đảm bảo. Như vậy, mức bồi thường cho hộ gia đình bà T tại bảng giá số 3, vị trí 2, đất trồng cây lâu năm - phường T là 90.000 đồng/1m². Yêu cầu UBND thành phố B chi trả số tiền còn lại cho hộ gia đình bà T theo đúng quy định.

3. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013 thì:

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường, phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường, chậm chi trả khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất bị thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả”.

Việc bồi thường, hỗ trợ và ban hành quyết định, thông báo và thanh toán tiền bồi thường chậm trả là do lỗi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của gia đình bà T. Yêu cầu UBND thành phố B phải thanh toán thêm cho gia đình bà T một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền được nhận theo Quyết định số 5768/QĐ-UBND của UBND thành phố B là 327.114.425 đồng. Thời gian chậm trả từ ngày 01/3/2023 (ngày bản án có hiệu lực pháp luật) đến ngày 20/10/2023 ngày nhận số tiền bồi thường. Ngoài ra, do Quyết định về việc phê duyệt phương án bổ sung số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B chưa áp dụng đúng văn bản pháp luật nên khi ban hành lại quyết định thì ngoài số tiền hỗ trợ được nhận thêm, UBND thành phố còn phải thanh toán cho hộ gia đình bà

T thêm một khoản tiền bằng mức chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền mà hộ gia đình bà T chưa được chi trả. Thời gian tính từ ngày 01/3/2023 đến ngày hộ gia đình bà T nhận đủ số tiền còn lại.

Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy một phần Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B khu 5,4 ha) thành phố B (thực hiện theo các Bản án số 02/HC-ST ngày 10/02/2023 và Bản án số 08/HC-ST ngày 16/02/2023 của TAND tỉnh Đắk Lắk).

Buộc Ủy ban nhân T tính toán lại phương án phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ gia đình bà T theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tại Bản tự khai đề ngày 24/01/2024, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lê Đại T1 trình bày:

1. Về căn cứ pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 5.138.059 m² đất tại các xã, phường: T, T, T, T, T, T và xã E, thành phố B; Trong đó giao diện tích 897.744,7 m² đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm P quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315 m² đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-UBND, ngày 11/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư P, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B 5,4 ha).

Ngày 20/12/2020, UBND thành phố B ban hành Kế hoạch số 199/KH-UBND thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B 5,4 ha).

Ngày 03/01/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ VN phường T, tổ dân phố H, ban Q và các hộ dân có hợp đồng nhận khoán với công ty TNHH MTV C1 tiến hành họp thông qua chủ trương, chính sách và triển khai nội dung liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 27/3/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ VN phường T, tổ dân phố H tiến hành niêm yết công khai phương án dự thảo bồi thường, hỗ trợ tại UBND phường T.

Ngày 16/4/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, **UBMTTQ phường T, tổ dân phố H** tiến hành tổng hợp ý kiến của hộ dân sau khi công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tại **UBND phường T**.

Ngày 21/4/2020, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **phường T, thành phố B** (giáp đường Vành đai phía Tây và **Đại học B** 5,4 ha).

Ngày 25/6/2020, Chủ tịch **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 4341/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 09/7/2020, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **phường T, thành phố B** (giáp đường Vành đai phía Tây và **Đại học B** 5,4 ha).

2. Đối với đơn khởi kiện của bà **Trần Thị T, UBND thành phố B** có ý kiến như sau:

Về nguồn gốc đất: Bà Thư ký hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê Buôn Ma Thuột theo Hợp đồng số 59Đ3/2012/HD tháng 4/2012 với diện tích là 3.041m² đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng từ tháng 4/2012 đến ngày 31/12/2020 tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 65, **phường T**.

Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 76; khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai 2013: “*Các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.....*”. Đất của bà **Trần Thị T** đang sử dụng là đất nhận khoán của **Công ty TNHH MTV C1** nên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định.

Về chính sách hỗ trợ:

Ngày 03/10/2023, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **phường T** (giáp đường Vành đai phía Tây và **Đại học B**), **thành phố B**, với tổng kinh phí là 1.669.197.000 đồng. Trong đó, hộ bà **Trần Thị T** đã được phê duyệt bổ sung hỗ trợ số tiền 327.114.425 đồng.

Bà **Trần Thị T** yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên hủy một phần Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của **UBND thành phố B** phải áp dụng hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của **UBND tỉnh Đ** là không có cơ sở vì **UBND thành phố B** đã ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng

khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B 5,4ha).

Theo đó ngày 03/10/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học Buôn Ma T2 (phê duyệt bổ sung cho Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020. Tại thời điểm đó Quyết định số 43/2014/OĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ vẫn còn hiệu lực). Do đó, việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND là đúng theo quy định.

Việc bà Trần Thị T yêu cầu được tính thời gian chậm trả tính từ ngày 01/3/2023 (ngày bản án có hiệu lực pháp luật) đến ngày 20/10/2023 ngày nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ thì UBND thành phố B có ý kiến như sau: Tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật thì UBND thành phố B đang thực hiện việc xác minh lập phương án bổ sung chính sách hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T. Theo đó, ngày 03/10/2023 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B) thành phố B. Sau khi phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ngày 20/10/2023 hộ bà Trần Thị T đến nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung. Tính từ khi phương án được phê duyệt đến ngày hộ dân đến nhận tiền là 17 ngày. Như vậy, chưa quá 30 ngày theo quy định chậm chi trả nên hộ bà Trần Thị T yêu cầu được tính thời gian chậm trả từ ngày bản án có hiệu lực đến ngày chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở.

Từ những căn cứ nêu trên, Tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện bà Trần Thị T.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y, bà Trần Thị Kiều L, bà Trần Nguyễn Kiều O trình bày:

Năm 2012 hộ gia đình tôi sử dụng đất có nguồn gốc do nhận khoán của Công ty C1. Hộ gia đình tôi có 04 nhân khẩu, trong đó 01 nhân khẩu thuộc đối tượng đã nghỉ hưu đang hưởng chế độ hưu trí, 01 nhân khẩu Nguyễn Thị Y là lao động trực tiếp và có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi; 02 nhân khẩu Trần Nguyễn Kiều O, Trần Thị Kiều L là nhân khẩu phụ thuộc đang được nuôi dưỡng trong hộ gia đình.

Xét thấy, Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B khu 5,4 ha) thành phố B là sai quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình chúng tôi. Do đó, chúng tôi đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 81/2024/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 118, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng các Điều 65, 66, 82, 93 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Áp dụng khoản 1 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Hủy một phần Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B khu 5.4ha) thành phố B; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ áp dụng hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo giá đất quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ cho hộ bà Trần Thị T.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải thanh toán cho hộ bà Trần Thị T một khoản tiền chậm chi trả bằng mức chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền mà bà T chưa được nhận từ ngày 01/3/2023 đến ngày 20/10/2023 theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2024, người khởi kiện bà Trần Thị T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ngày 04/6/2024, người khởi kiện bà Trần Thị T có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Ngày 10/6/2024, người bị kiện UBND thành phố B có đơn kháng cáo cho rằng, Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B thực hiện theo bản án số 08/2023/HC-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là đúng pháp luật nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Ngày 06/6/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 497/QĐ-VKS-HC đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với yêu cầu về phê duyệt phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp theo quy định tại Điều 1, Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND; hủy Quyết

định số 15/2024/QĐST-HC ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về sửa chữa, bổ sung bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà **Trần Thị T** do bà **Trần Thị S** đại diện theo ủy quyền thì tại đơn xin xét xử vắng mặt không rút yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện **UBND thành phố B** do ông **Lê Đại T1** đại diện theo ủy quyền thì tại đơn xin xét xử vắng mặt không rút yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 497/QĐ-VKS-HC ngày 06/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tại đơn kháng cáo người bị kiện **UBND thành phố B** cho rằng, Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của **UBND thành phố B** về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **phường T** (giáp đường Vành đai phía Tây và **Đại học B** khu 5,4 ha) **thành phố B** (thực hiện theo bản án số 08/2023/HC-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) là hoàn toàn đúng pháp luật nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị T** về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của **UBND thành phố B** và buộc **UBND thành phố B** ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ áp dụng hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của **UBND tỉnh Đ** và theo giá đất quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của **UBND tỉnh Đ** cho hộ bà **Trần Thị T**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện **UBND thành phố B** và một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 497/QĐ-VKS-HC ngày 06/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị T** về việc hủy một phần Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của **UBND thành phố B**. Do bác yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị T** nên đối với phần hủy quyết định đính chính là không cần thiết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm tất cả đương sự đều xin xét xử vắng mặt. Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 02/6/2024 người khởi kiện bà **Trần Thị T** có đơn kháng cáo một phần bản bản án sơ thẩm. Ngày 04/6/2024, bà **Trần Thị T** có đơn xin rút đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 218 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét

xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của người khởi kiện bà **Trần Thị T.**

2. Về phần nội dung:

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và kháng cáo của người bị kiện **UBND thành phố B** thì thấy: Thực hiện theo bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Ngày 03/10/2023, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **phường T** (giáp đường Vành đai phía Tây và **Đại học B** khu 5,4 ha) **thành phố B** (thực hiện theo các bản án số 02/HC-ST ngày 10/02/2023 và bản án số 08/HC-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk). **UBND thành phố B** đã lập bảng chi tiết bổ sung chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (kèm theo Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của **UBND thành phố B**). Hộ bà **Trần Thị T** được hỗ trợ cụ thể như sau: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 307.931.625 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống...: 17.182.800 đồng; hỗ trợ ổn định sản xuất: 2.000.000 đồng. Tổng cộng 327.114.425 đồng là đúng theo bản án số 08/HC-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Ngày 20/10/2023, bà **Trần Thị T** đã nhận số tiền trên. Như vậy, việc hỗ trợ nêu trên của **UBND thành phố B** cho hộ bà **Trần Thị T** là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện **UBND thành phố B** và một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 497/QĐ-VKS-HC ngày 06/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa bản án sơ thẩm về phần bác yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị T** về việc hủy một phần Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của **UBND thành phố B** về việc phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **phường T** (giáp đường Vành đai phía Tây và **Đại học B** khu 5,4 ha) **thành phố B**. Buộc **UBND thành phố B** ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ áp dụng hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** và theo giá đất quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của **UBND tỉnh Đ** cho hộ bà **Trần Thị T**.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên phần yêu cầu hủy Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 15/2024/QĐST-HC ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo yêu cầu của quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là không cần thiết.

3. Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người bị kiện **UBND thành phố B** không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Bà **Trần Thị T** phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 218 Luật Tổ tụng hành chính

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của người khởi kiện bà **Trần Thị T.**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính

2. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện **UBND thành phố B** và một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 497/QĐ-VKS-HC ngày 06/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 30, 32, 116, 118, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 65, 66, 82, 93 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 và Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác nội dung đơn khởi kiện của bà **Trần Thị T** về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của **UBND thành phố B** về việc phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **phường T** (giáp đường Vành đai phía Tây và **Đại học B** khu 5,4 ha) **thành phố B**; buộc **UBND thành phố B** ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ áp dụng hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** và theo giá đất tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của **UBND tỉnh Đ** cho hộ bà **Trần Thị T.**

3. Về án phí:

Bà **Trần Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

UBND thành phố B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại cho **UBND thành phố B** 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo tại biên lai thu tiền số 0012916 ngày 19/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Liêm